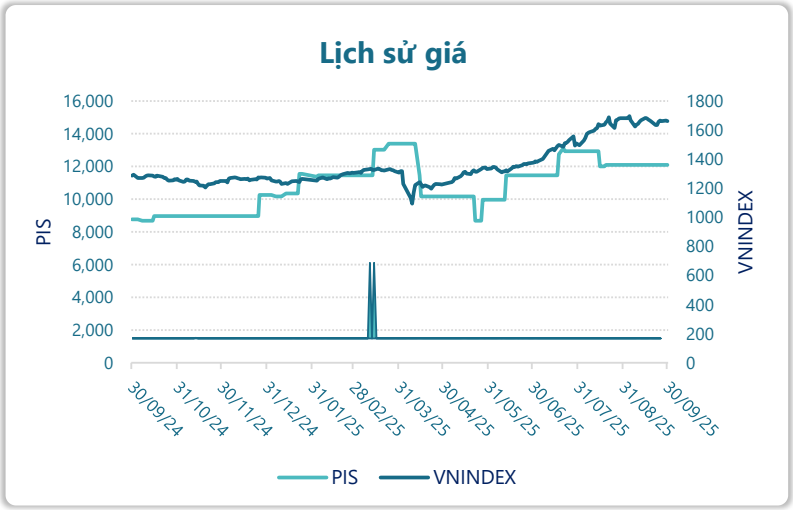
FireAnt

Tổng Công ty PISICO Bình Định - CTCP (UPCOM: PIS)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,393
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,682
SL cổ phiếu LH	27,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	333
P/E	7.4
EPS	1,646

DT thuần

Q3/25

83.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.7| -15.1%

YoY: ▼35.0| -29.7%

LN sau thuế

Q3/25

3.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.89| -48.8%

YoY: ▼5.56| -64.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.2%

+/- YoY: ▼ 2.9%

DT thuần

9T 2025

277

tỷ VNĐ

YoY: ▼81.0| -22.6%

LN sau thuế

9T 2025

12.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.0| -54.7%

ROE

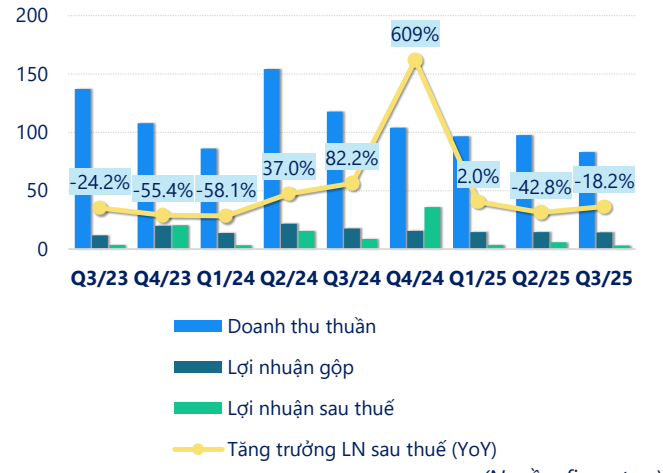
Q3/25

10.9%

+/- YoY: ▼ 0.5%

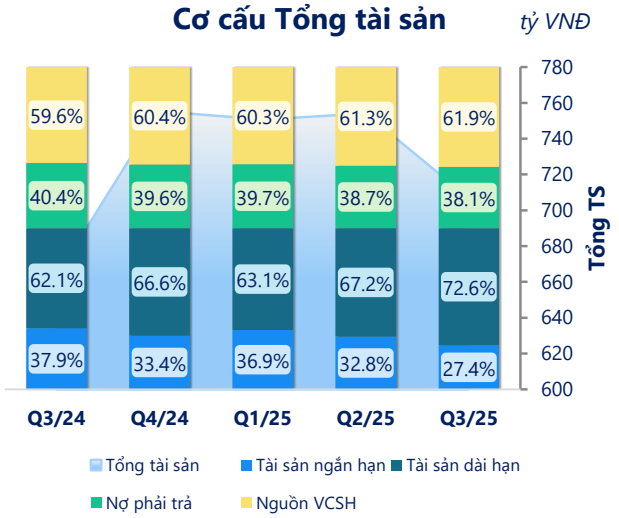
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



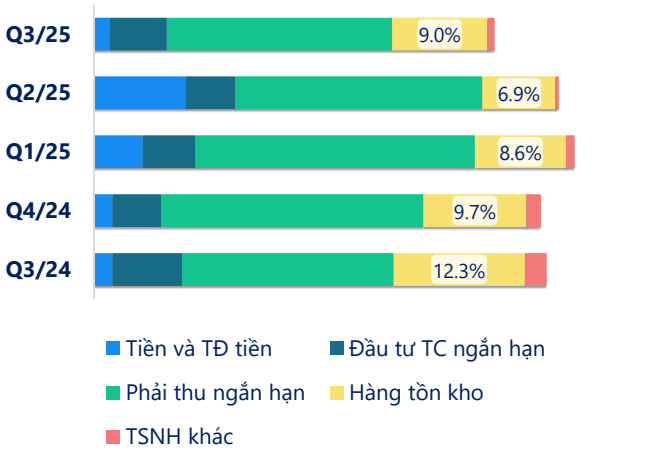
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



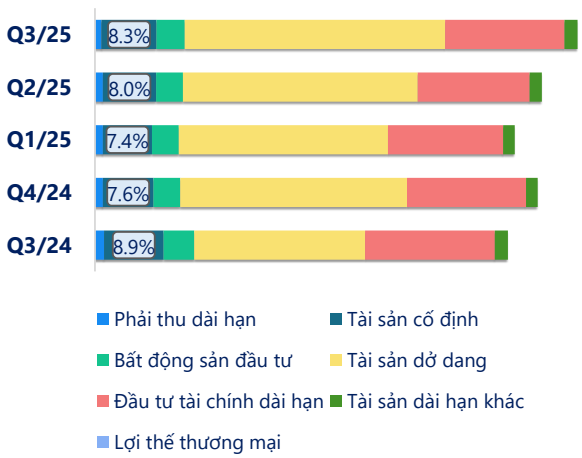
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



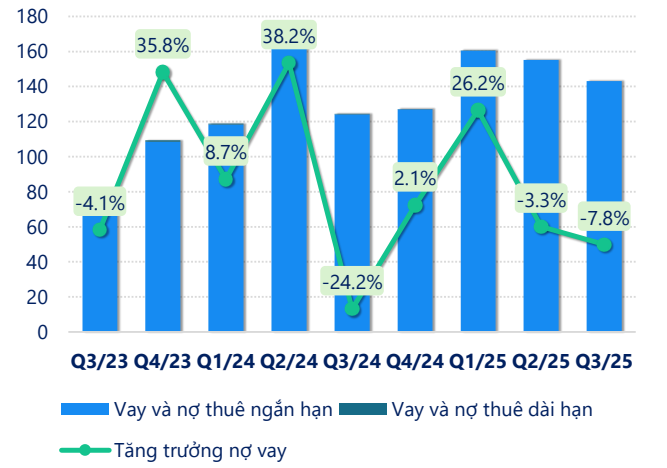
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



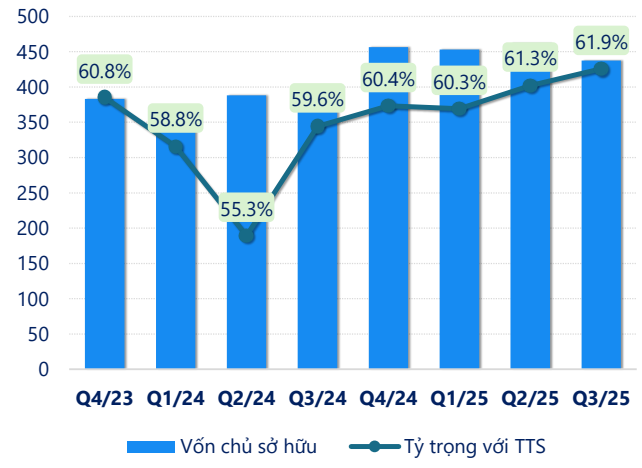
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



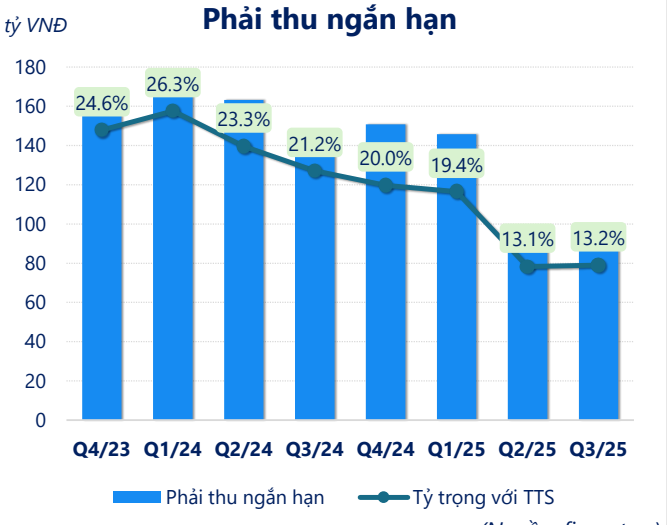
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



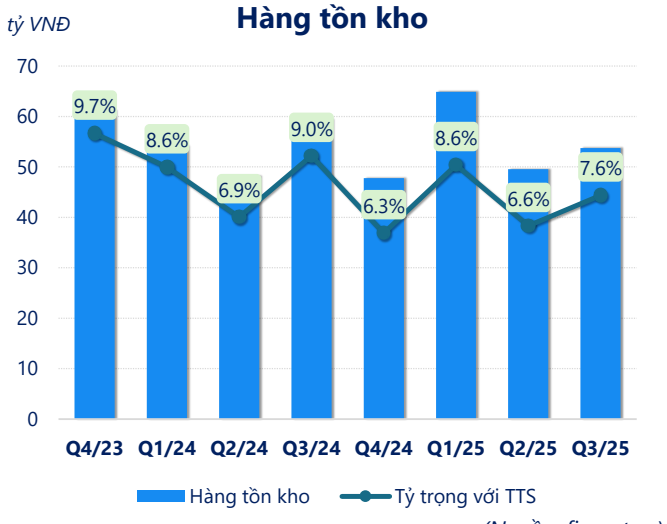
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



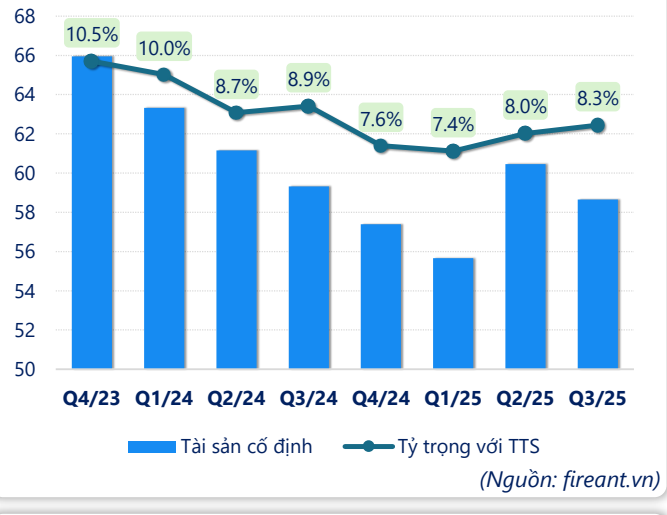
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



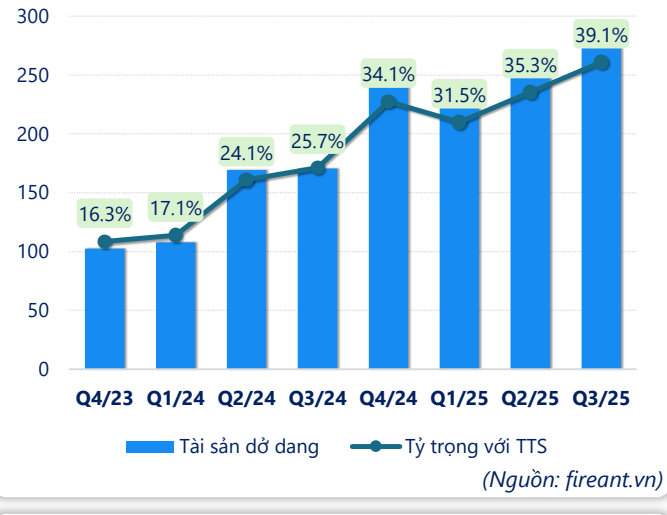
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



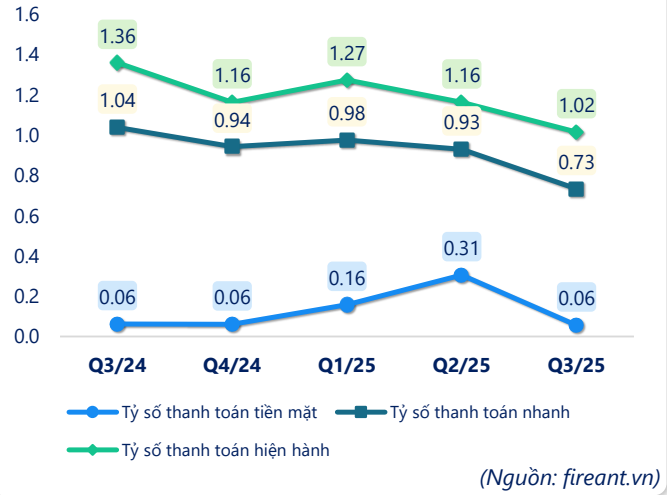
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



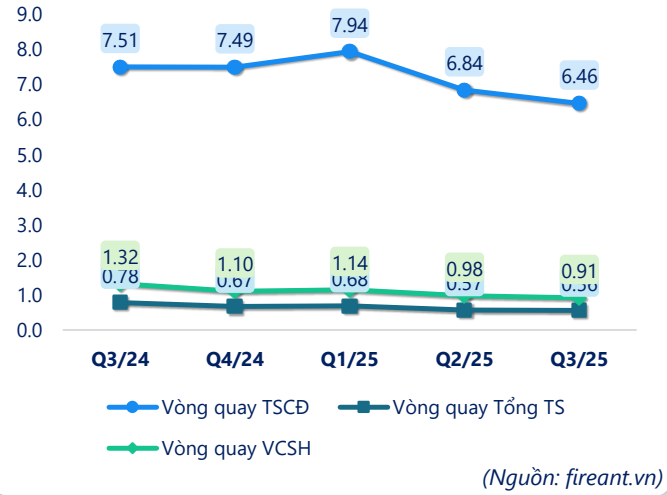
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**663**	**755**	**751**	**754**	**707**
Tài sản ngắn hạn	**251**	**252**	**277**	**247**	**194**
Tiền và tương đương tiền	11.5	13.1	34.3	64.8	10.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.4	36.9	28.3	30.8	31.4
Phải thu ngắn hạn	141	151	146	98.4	93.0
Hàng tồn kho	59.4	47.8	64.9	49.5	53.8
Tài sản ngắn hạn khác	4.46	3.74	3.51	3.36	4.83
Tài sản dài hạn	**412**	**503**	**474**	**507**	**513**
Phải thu dài hạn	9.08	9.08	8.86	8.86	6.89
Tài sản cố định	59.3	57.4	55.7	60.5	58.7
Bất động sản đầu tư	30.8	30.4	30.1	30.4	30.0
Tài sản dở dang	170	258	236	266	277
Đầu tư tài chính dài hạn	129	135	130	127	127
Tài sản dài hạn khác	13.1	13.4	12.9	13.8	13.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**268**	**299**	**298**	**292**	**269**
Nợ ngắn hạn	**185**	**217**	**217**	**212**	**191**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	124	127	160	155	143
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	16.0	13.9	23.9	12.8
Nợ dài hạn	82.9	82.1	80.6	79.8	78.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0.34	0.22	0.11	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**396**	**457**	**453**	**462**	**438**
Vốn chủ sở hữu	**396**	**457**	**453**	**462**	**438**
Vốn điều lệ	275	275	275	275	275
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)